

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2022
V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Chung
2. Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982, có yêu cầu vắng mặt
 2. *Bị đơn:* Ông Bùi Minh T, sinh năm 1956, có yêu cầu vắng mặt
- Cùng địa chỉ: Ấp 18, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đ và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Do đó, bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Diễm T, sinh năm 2003, đã trưởng thành nên bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, bà Đ xin vắng mặt do bận đi làm xa.

* Tại biên bản hòa giải ngày 20/5/2022, ông Bùi Minh T trình bày:

Ông T thống nhất với trình bày của bà Đ. Ông xác định ông và bà Đ chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nên ông cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Diễm T, sinh năm 2003. Con chung hiện đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

Vì bận công việc nên ông xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Minh T. Do ông và bà chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Ông T có địa chỉ tại ấp 18, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ, ông T có yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Đ, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Đ và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông và bà chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông và bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận

là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Nguyễn Thị Đ và ông Bùi Minh T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, ông bà có 01 người con chung tên Bùi Thị Diễm T, sinh năm 2003 (giới tính nữ), đã trưởng thành, bà Đ và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ, ông T xác định đề ông bà tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung là không có, không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 14, 53 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Đ và ông Bùi Minh T là vợ chồng.

2. Về tài sản chung: Bà Đ và ông T tự thỏa thuận.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 27 tháng 4 năm 2022 bà Đ có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014916 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Đ, ông T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bảo Trâm